



BÁO CÁO TÓM TẮT

**Đánh giá nhanh thiết kế và thực hiện gói hỗ trợ 2
của Chính phủ cho các đối tượng chịu ảnh hưởng
của Covid-19**

(Theo nghị quyết 68/NQ-CP)

Hà Nội, tháng 9/2021



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ

ĐÁNH GIÁ NHANH THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN GÓI HỖ TRỢ 2 CỦA CHÍNH PHỦ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG CHỊU ẢNH HƯỞNG CỦA COVID-19 (THEO NGHỊ QUYẾT 68/NQ-CP)

GHI CHÚ

Báo cáo do UNDP tài trợ và đặt hàng, được thực hiện bởi nhóm tư vấn trong nước của Viện Khoa học Lao động và Xã hội – thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội. Các ý kiến, phân tích và khuyến nghị trong tài liệu này không nhất thiết phản ánh ý kiến chính thức của UNDP và các cơ quan đối tác.

I. GIỚI THIỆU

Làn sóng đại dịch Covid-19 lần thứ tư đang diễn biến phức tạp và được dự báo sẽ tiếp tục có những tác động tiêu cực trầm trọng tới nền kinh tế, doanh nghiệp và người dân. Trong bối cảnh đó, trên cơ sở kết quả tổng kết kết quả thực hiện Gói hỗ trợ thứ nhất (Nghị quyết 42/NQ-CP-gọi tắt là gói hỗ trợ lần 1), Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 về một số chính sách hỗ trợ người lao động (NLĐ) và người sử dụng lao động (NSDLĐ) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 (gọi tắt là gói hỗ trợ 2) với tổng ngân sách là 26 nghìn tỷ đồng. Gói hỗ trợ lần này được thiết kế với mục tiêu kép “Đảm bảo an sinh xã hội (ASXH) và góp phần phục hồi, ổn định sản xuất kinh doanh”. Đánh giá nhanh gói hỗ trợ 2 được thực hiện vào tháng 8 năm 2021 với việc (i) xác định các ưu điểm và hạn chế của thiết kế và thực hiện gói hỗ trợ 2 trong việc đạt được các mục tiêu; và (ii) đưa ra các khuyến nghị cải thiện từ đó giúp các nhà hoạch định chính sách định hướng thiết kế gói hỗ trợ thứ 3. Đánh giá được thực hiện bằng cách xem xét các tài liệu gói hỗ trợ 2, phân tích các dữ liệu có sẵn và báo cáo kết quả thực hiện; phỏng vấn các nhà hoạch định chính sách, chuyên gia và đại diện của các nhóm đối tượng và một số nghiên cứu điển hình cũng như các thông tin từ các phương tiện truyền thông chính thức.



II. KẾT QUẢ CHÍNH

GÓI HỖ TRỢ 2 KHÔNG ĐÁP ỨNG ĐƯỢC NHU CẦU CỦA NGƯỜI DÂN VÀ DOANH NGHIỆP BỊ ẢNH HƯỞNG NGHIÊM TRỌNG BỜ LÀN SÓNG THỨ TƯ COVID-19 CÓ QUY MÔ LỚN HƠN NHIỀU, KÉO DÀI HƠN VÀ CÓ TÁC ĐỘNG LỚN HƠN SO VỚI CÁC ĐỢT TRƯỚC

Một cuộc khảo sát gần đây do Trung tâm Phân tích và Dự báo thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam thực hiện cho thấy đợt sóng thứ tư Covid-19 đã tác động lớn đến các đối tượng yếu thế. Cuộc khảo sát cho thấy vào tháng 7 năm 2021, 63,5% tổng số hộ gia đình bị giảm thu nhập từ 30% trở lên so với thời điểm trước đại dịch (tháng 12/2019). Tỷ lệ nghèo tạm thời về thu nhập (nguyên gốc tiếng Anh: transient income poverty) đã tăng từ dưới 10% trước làn sóng thứ tư lên 33,4% vào tháng 7/2021 (dựa trên chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội); một nửa số hộ gia đình (51,2%) phải giảm lượng thức ăn trong mỗi bữa ăn và 17,7% số hộ gia đình giảm số lượng bữa ăn trong ngày; nhiều hộ gia đình có con nhỏ đã phải giảm sữa cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ. Hơn 30% hộ gia đình được khảo sát đã sử dụng tiền tiết kiệm để duy trì sinh kế từ tháng 4 năm 2021 và trong số đó 55% cho biết khoản tiết kiệm của họ đã cạn kiệt vào tháng 7/2021. Tình hình đặc biệt khó khăn đối với lao động di cư, họ không thể trả tiền thuê nhà mà quay lại quê hương cũng vô cùng khó khăn. Nghiên cứu định tính là một phần của cuộc khảo sát này cho thấy lao động di cư là những người dễ bị tổn thương và không còn khả năng chống chọi trong vùng dịch.

Đồng thời, cuộc khảo sát chỉ ra rằng 89,9% người được hỏi chưa nhận được hỗ trợ, trong khi 82,7% người được hỏi cho biết cần được hỗ trợ. Trong số 10% hộ gia đình nhận được trợ cấp xã hội, nhiều hộ cho rằng khoản hỗ trợ cho đến nay vẫn chưa thể giúp họ đối phó với sự suy giảm mức sống.

Trong khi đợt dịch Covid-19 thứ tư diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng nghiêm trọng hơn nhiều so với các đợt dịch trước thì gói hỗ trợ 2 được thiết kế với quy mô quá nhỏ về tất cả các tiêu chí được sử dụng trong đánh giá này (nguồn kinh phí, mức hỗ trợ và quy mô đối tượng), đặc biệt là trong quá trình triển khai thực hiện.

Nguồn kinh phí:

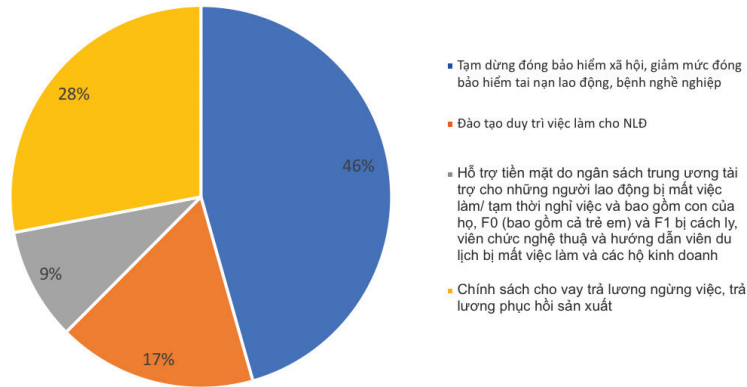
Trong khi tổng kinh phí theo thiết kế của gói hỗ trợ 2 là 26.000 tỷ đồng (0,4% GDP hàng năm) là quá nhỏ, việc đặt trọng tâm quá nhiều vào chính sách tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) và giảm nộp Bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp (BH TNLĐ-BNN) khiến nguồn lực của chính sách hỗ trợ tiền mặt là quá nhỏ, không đủ đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề bởi làn sóng thứ tư Covid-19.

Trong gói hỗ trợ 2 có tổng kinh phí thiết kế là 26.000 tỷ đồng, 12.146 tỷ đồng (chiếm 46%) cho các chính sách giảm đóng BHXH, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; 4.500 tỷ đồng (17%) ngân sách cho các chính sách hỗ trợ đào tạo nhằm duy trì việc làm cho NLĐ và 7.456 tỷ đồng (28%) là ngân sách cho chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất



Hình 1: Tỷ lệ phân bổ kinh phí theo các loại chính sách trong gói hỗ trợ 2

Lưu ý: Nguồn kinh phí hỗ trợ tiền mặt do ngân sách địa phương tự huy động hỗ trợ NLD phi chính thức bị mất việc làm và các nhóm dễ bị tổn thương khác không nằm trong tổng ngân sách thiết kế 26.000 tỷ đồng của gói hỗ trợ 2.



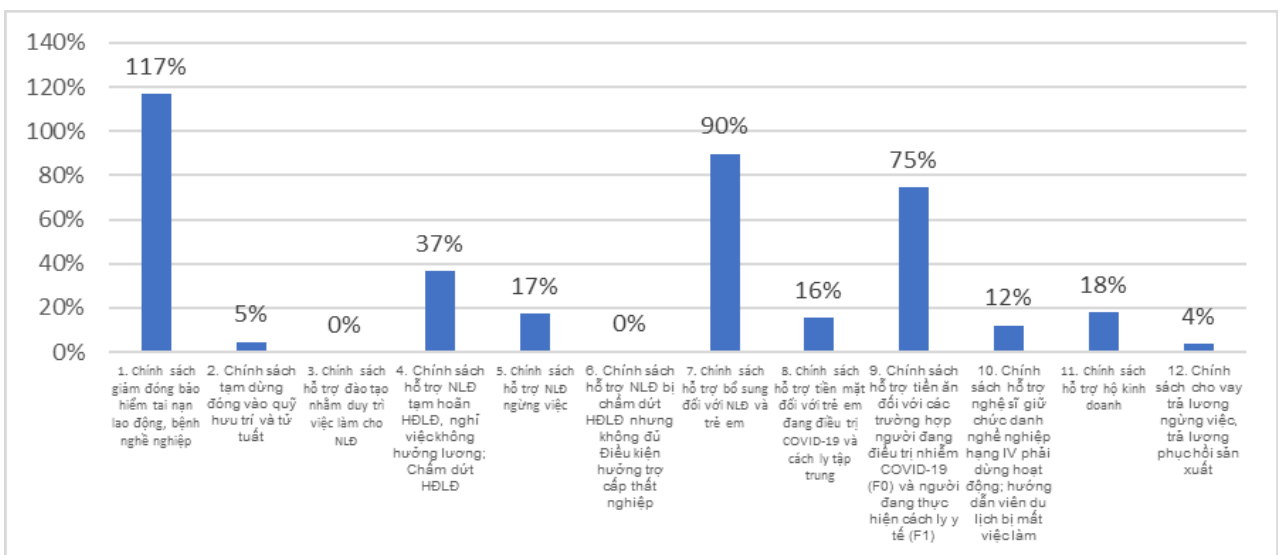
Nguồn: Nghị quyết 68/NQ-CP ban hành ngày 1/7/2021

Nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ tiền mặt trực tiếp cho các đối tượng yếu thế¹ chỉ đạt 2.532,7 tỷ đồng (9%) trong tổng kinh phí thiết kế của gói hỗ trợ 2. Nguồn ngân sách này và ngân sách địa phương đã chi cho chính sách hỗ trợ tiền mặt cho NLD phi chính thức bị mất việc làm và các nhóm dễ bị tổn thương khác - khoảng 5.100 tỷ đồng đã được giải ngân đến ngày 31 tháng 8 năm 2021 (sau hai tháng thực hiện gói hỗ trợ 2, theo báo cáo của Bộ LĐTB & XH - xem Bảng 5 trong phụ lục) - cho thấy các chương trình hỗ trợ tiền mặt rõ ràng không đủ để hỗ trợ các nhóm dễ bị ảnh hưởng bởi làn sóng thứ tư và thấp hơn nhiều so với mức ngân sách hỗ trợ tiền mặt với qui mô khoảng 5% GDP ở các nước láng giềng trong đợt phong tỏa lần thứ nhất vào năm 2020.

THỰC TẾ GIẢI NGÂN GÓI HỖ TRỢ 2 SAU HAI THÁNG THỰC HIỆN TÍNH ĐẾN NGÀY 31/8 VẪN CHƯA ĐẠT YÊU CẦU.

Ngoại trừ tỷ lệ giải ngân Chính sách hỗ trợ bổ sung cho NLD chính thức có con nhỏ và trợ cấp tiền ăn cho FO phải điều trị COVID-19 hoặc F1 bị cách ly y tế lần lượt đạt 90% và 75% - có lẽ nhờ tiêu chí xác định đối tượng đơn giản, ngân sách thấp và phạm vi đối tượng nhỏ theo thiết kế - tỷ lệ giải ngân các chính sách hỗ trợ tiền mặt còn lại cũng như chính sách cho vay trả lương cho NLD rất thấp. Trong số các chính sách này, tỷ lệ giải ngân hỗ trợ cho NLD tạm hoãn hợp đồng lao động (HĐLĐ) và nghỉ việc không lương đạt mức khiêm tốn 37%, còn lại các chính sách khác có mức giải ngân rất thấp.

Hình 2: Tình hình giải ngân tính đến ngày 31/8/2021 (% ngân sách thiết kế)



Nguồn: Tính toán từ số liệu báo cáo của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (31/8/2021).

¹ Những người lao động bị mất việc làm/ tạm thời nghỉ việc và bao gồm phụ nữ nuôi con nhỏ, FO (bao gồm cả trẻ em) và F1 bị cách ly, viên chức nghệ thuật và hướng dẫn viên du lịch bị mất việc làm và các hộ kinh doanh

CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN MẶT CHO NLD PHI CHÍNH THỨC BỊ ẢNH HƯỞNG TRONG GÓI HỖ TRỢ 2 ĐƯỢC THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN VỚI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG LÀ NGUỒN DUY NHẤT; ĐIỀU NÀY HẠN CHẾ ĐÁNG KỂ KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG NHU CẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG BỜ LÀN SÓNG THỨ TƯ, ĐỒNG THỜI DẪN ĐẾN SỰ BẤT BÌNH ĐẲNG VỀ ĐỐI XỬ CÁC NHÓM HƯỞNG LỢI GIỮA CÁC TỈNH

Một điểm khác biệt trong thiết kế chính sách hỗ trợ tiền mặt cho NLD phi chính thức bị ảnh hưởng của gói hỗ trợ 2 so với gói hỗ trợ thứ nhất là việc giao cho chính quyền địa phương (i) tự xây dựng tiêu chí xác định đối tượng đủ điều kiện và (ii) huy động ngân sách dự phòng hiện có tại địa phương để chi trả cho các đối tượng được trợ cấp tại địa phương. Ở khía cạnh nào đó, cơ chế này được coi là một điểm mạnh cần được tiếp tục phát huy. Do chính quyền địa phương biết rõ nhu cầu và đặc điểm của các nhóm đối tượng, điều này giúp xây dựng các tiêu chí phù hợp để xác định các đối tượng đủ điều kiện và hỗ trợ kịp thời, mang tính khả thi cao hơn. Trên thực tế, một số địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai, Long An... đã thực hiện kịp thời và hiệu quả chính sách này thông qua trợ cấp tiền mặt cho NLD phi chính thức bị mất việc làm và các đối tượng bị tổn thương khác bằng ngân sách của địa phương.

Tuy nhiên, bài học kinh nghiệm cho thấy, sau hai tháng triển khai và giải ngân khá tốt, hầu hết các tỉnh, thành phố, đặc biệt là các tỉnh nghèo chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của làn sóng thứ tư đều đã hết ngân sách chỉ sau hai tháng thực hiện, dẫn đến 'bế tắc' không thể tìm ra cách huy động thêm các nguồn lực địa phương để thực hiện chính sách theo cách "phân cấp" này. Đến ngày 31/8/2021, sau hai tháng triển khai gói hỗ trợ 2, đã giải ngân được 5.100 tỷ đồng và hỗ trợ được cho 3.366.891 người (đạt khoảng 22% so với kế hoạch là 16,5 triệu lượt người). Đáng chú ý là số người được hỗ trợ tiền mặt trên chủ yếu ở các tỉnh, thành phố giàu (tự chủ ngân sách) như TP.HCM, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu. Bảng 5 phần phụ lục cho thấy chính sách hỗ trợ tiền mặt đã được thực hiện ở 14 tỉnh/ thành phố trong khi các tỉnh, thành phố còn lại chưa thực hiện được chính sách hỗ trợ tiền mặt cho NLD.

Nguyên nhân chính các địa phương chưa thực hiện được chính sách hỗ trợ tiền mặt cho người dân là do thiếu kinh phí. Thực tế hầu hết các tỉnh nghèo đang gặp rất nhiều khó khăn trong việc huy động nguồn hiện có, chủ yếu từ dòng ngân sách dự phòng ít ỏi được thiết kế để xử lý các rủi ro qui mô nhỏ và đơn lẻ, và do vậy không thể có kinh phí chi trả cho các chương trình hỗ trợ tiền mặt qui mô lớn hơn trong phòng chống các cú sốc lớn gây tác động trên diện rộng như đại dịch COVID-19. Ngay cả các tỉnh/thành phố giàu cũng gặp khó khăn trong việc huy động kinh phí cho các chương trình hỗ trợ tiền mặt qui mô lớn hơn đáp ứng giải quyết tác động của làn sóng thứ tư do nguồn ngân sách dự phòng hạn chế của họ: theo báo cáo, Thành phố Hồ Chí Minh đã phải đề nghị trung ương hỗ trợ tài chính gần 24.000 tỷ đồng.

Thông thường, chi trả cho trợ giúp xã hội (khẩn cấp) ở Việt Nam được thiết kế và thực hiện theo nguyên tắc dùng nguồn ngân sách dự phòng của địa phương trước và đề nghị cấp trên hỗ trợ nếu nguồn ngân sách dự phòng của địa phương đã cạn kiệt. Như đã trải nghiệm, nguyên tắc này không hiệu quả trước các biến cố lớn có quy mô lớn tác động trên diện rộng như làn sóng thứ tư hiện nay. Về nguyên tắc và theo kinh nghiệm của nhiều quốc gia khác, các chương trình trợ giúp xã hội không thể chỉ dựa vào ngân sách dự phòng của địa phương và ngân sách trung ương phải đóng vai trò chủ đạo cho các chương trình trợ giúp xã hội/trợ cấp tiền mặt ở cấp địa phương, đặc biệt là trong những biến cố quy mô lớn. Tuy nhiên, có thông tin cho rằng² ngân sách dự phòng trung ương của Việt Nam đã cạn kiệt và cần được Quốc hội phê duyệt để bổ sung. Tất cả những điều này cho thấy rằng *cần phải xem xét lại một cách cơ bản về nguyên tắc và cách tiếp cận trong việc cung cấp tài chính cho các quỹ dự phòng và các chương trình trợ giúp xã hội, ở cả cấp trung ương và địa phương, để xử lý những biến cố quy mô lớn.*

2 <https://vnexpress.net/bo-tai-chinh-lam-ro-chuyen-du-phong-ngan-sach-het-tien-4357999.html>, Bộ Tài chính làm rõ chuyện dự phòng ngân sách hết tiền. Cũng có thông tin cho rằng trong khi ngân sách dự phòng của trung ương đã cạn kiệt, thì ngân sách dự phòng của địa phương vẫn còn nhiều. Tuy nhiên, yêu cầu của TP.HCM về sự hỗ trợ của chính quyền trung ương có thể chỉ ra điều khác.

Các quy định về chi ngân sách địa phương và các yêu cầu về đăng ký cư trú đã hạn chế khả năng tiếp cận hỗ trợ của nhiều NLD nhập cư.

Được biết, vào tháng 7/2021, TP.HCM đã phải huy động nguồn kinh phí từ các đơn vị tài trợ để hỗ trợ NLD nhập cư không có hộ khẩu, đồng thời sử dụng ngân sách TP.HCM để hỗ trợ người dân TP.HCM. Cần lưu ý rằng (i) không chỉ ở TP HCM, lao động nhập cư cũng gặp rất nhiều khó khăn trong việc tiếp cận sự hỗ trợ của chính quyền địa phương ở các tỉnh khác, (ii) một số tỉnh phải hỗ trợ cho những công dân của mình đang gặp khó khăn ở các thành phố như TP.HCM, Bình Dương và Đồng Nai, và (iii) gần đây (cuối tháng 8 và đầu tháng 9), do yêu cầu “ai ở đâu ở nguyên đó” nhiều thành phố đã có thể hỗ trợ NLD nhập cư không có hộ khẩu.

HỘP 1. TÌNH TRẠNG KHÔNG ĐƯỢC HỖ TRỢ CỦA NLD DI CƯ ĐANG TRONG HOÀN CẢNH CỰC KỲ KHÓ KHĂN

“Tổ trưởng dân phố nói tôi không thuộc diện được hỗ trợ vì không có hộ khẩu tạm trú, không thuộc diện KT3. Tôi đã sống ở khu vực này 5 năm nay. Khi đến thuê phòng, tôi đưa chứng minh nhân dân cho chủ nhà để xin tạm trú. Đó là tất cả những gì tôi được bảo phải làm và cũng không có cán bộ nào yêu cầu bất cứ điều gì khác. Không có viên chức nào khác yêu cầu bất cứ điều gì khác” 1 lái xe ôm 40 tuổi, quê Hà Tĩnh đang ở Dĩ An, Bình Dương.

Tôi được biết NLD phi chính thức không có thu nhập như tôi thì phải có hộ khẩu hoặc tạm trú có xác nhận của công an thì mới được hỗ trợ. Tôi sống trong một khu vực bị phong tỏa, không có thu nhập và hết lương thực. Tôi đã yêu cầu hỗ trợ nhưng câu trả lời là không. Không có tạm trú không phải là lỗi của tôi. Là do chủ nhà và tổ trưởng không giúp tôi làm giấy tờ. Tôi đã sống ở đây 4 năm rồi. Một lao động bốc xếp 50 tuổi quê Nghệ An ở Gò Vấp, Hồ Chí Minh, quê ở Nghệ An

Nguồn: Khảo sát của CAF về đánh giá tác động của COVID-19 vào tháng 7/2021



Các mức hỗ trợ của gói hỗ trợ 2

Mức hỗ trợ thấp không đáp ứng mức sống tối thiểu. Mức hỗ trợ một lần của gói hỗ trợ lần 2 cho NLD không có giao kết hợp đồng lao động (HDLĐ), lao động tự doanh chỉ bằng 50% mức sống tối thiểu/chuẩn nghèo; mức hỗ trợ cho NLD có HDLĐ ở một số trường hợp thậm chí không bằng mức lương tối thiểu qui định của Nhà nước.

Trong bối cảnh làn sóng thứ tư đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng trong ba tháng qua và vẫn tiếp diễn mà chưa có dấu hiệu suy giảm, chính sách hỗ trợ một lần với mức hỗ trợ thấp như vậy - không thể đáp ứng nhu cầu mức sống tối thiểu của người thụ hưởng, đó là chưa tính đến những người dễ bị tổn thương nhất mà không được hỗ trợ, như người nghèo, cận nghèo, đối tượng trợ giúp xã hội, lao động nhập cư Xem thêm chi tiết trong Bảng 3.

Bảng 3. So sánh về mức hỗ trợ của gói hỗ trợ lần 2 với gói hỗ trợ lần 1

| Chính sách | Thiết kế | | Đánh giá |
|--|--|--|--|
| | Gói hỗ trợ lần 1 (NQ42) | Gói hỗ trợ lần 2 (NQ68) | |
| Hỗ trợ NLD bị tạm dừng HĐLĐ | 1.800.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng (5.400.000đ) | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | + Các mức hỗ trợ của gói 2 không cải thiện, thậm chí thấp hơn so với gói 1 (vốn đã được đánh giá là thấp). + Mức hỗ trợ thấp – bằng 50% mức sống tối thiểu/ chuẩn nghèo (đối với lao động tự do), không đáp ứng nhu cầu tối thiểu. + Phần lớn các chính sách chỉ hỗ trợ 1 lần, thiếu tính linh hoạt và kịp thời trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài và ngày càng diễn biến phức tạp như hiện nay. |
| Hỗ trợ NLD bị ngừng việc | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/người | |
| Hỗ trợ NLD bị chấm dứt HĐLĐ | 1.000.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng (3.000.000đ) | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | |
| Hỗ trợ bổ sung cho NLD mang thai, nuôi con nhỏ | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/người | |
| Hỗ trợ bổ sung cho trẻ em bị nhiễm, cách ly | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/trẻ em | |
| Hỗ trợ tiền ăn cho FO, F1 | Không có | 80.000 đ/ngày/người, tối đa 45 ngày với FO và 21 ngày với F1 | |
| Hỗ trợ NLD không có giao kết HĐLĐ | 1.000.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng | Tối thiểu 1.500.000 đ/người/lần (50.000 đ/người/ngày) | |
| Hỗ trợ nghệ sỹ, hướng dẫn viên du lịch | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | |
| Hộ kinh doanh | 1.000.000 đ/hộ/tháng, tối đa 3 tháng | Hỗ trợ 1 lần: 3.000.000 đ/hộ | |

Nguồn: Tổng hợp, phân tích từ NQ42, NQ68 của Bộ LĐTB&XH.



Qui định “một đối tượng chỉ hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ” trong khi phạm vi chính sách kéo dài hết năm 2021 cho thấy thiết kế chính sách chưa dự báo, chưa tiên lượng hết tình hình tác động của dịch Covid-19 đến đời sống người dân/NLD, đặc biệt khi các chuỗi cung ứng bị đứt gãy (kể cả trong cung ứng mặt hàng thiết yếu) khiến giá cả leo thang. Một NLD có thể chịu ảnh hưởng liên tục hoặc nhiều lần hoặc liên tục kéo dài do các quyết định giãn cách, dừng hoạt động doanh nghiệp của các cơ quan chính quyền hoặc đứt gãy chuỗi cung ứng. Đây là lý do khiến hàng trăm nghìn người, đặc biệt là những NLD nhập cư không thể bám trụ tại các thành phố lớn như TP.HCM, Bình Dương, ..., cố gắng hồi hương với hy vọng sống sót trong đại dịch.

HỘP 4. TÌNH TRẠNG KHÓ KHĂN CỦA LAO ĐỘNG DI CƯ TRONG VÙNG DỊCH

“Tụi em tính nán lại cầm cự cho hết dịch rồi làm tiếp. Nhưng càng đợi thì thấy càng căng thẳng nên quyết định về quê” – P., một lao động quê Quảng Bình rời Bình Dương về quê.

“Tụi em không còn lựa chọn nữa. Ở lại thì không có cái ăn, công việc cũng mất. Đi ra đặt mua vé tàu xe để về thì tàu xe cũng không có. Mấy anh em buộc lòng phải đi xe máy dù rất nguy hiểm”, C., một lao động quê Nghệ An đang đi xe máy về quê.

Hai tháng mất việc, hết tiền đóng trọ, sống nhờ thực phẩm cứu tế, ông Huỳnh Văn S. liều chạy xe máy chở vợ vượt quãng đường gần 700 km từ TP HCM về Bình Định. Tối 15/8, ông S., 50 tuổi, cùng vợ buồn bã xách valy, bao tải đựng quần áo trở lại phòng trọ 15m2 bốc mùi ẩm mốc, thuê 1,5 triệu đồng mỗi tháng, nằm ở con hẻm phường Bình Hưng Hoà A, quận Bình Tân, sau chuyến hồi hương thất bại. Vợ chồng ông là hai trong số gần 800 người lái xe máy tự phát về quê nhưng bị chính quyền TP Thủ Đức, Quận 12 và Bình Tân chặn lại, vận động quay về nơi ở. *Nguồn: (<https://vnexpress.net/cuoc-song-co-cuc-cua-nhung-nguoi-muon-roi-tp-hcm-4341653.html>)*

Quy mô đối tượng:

Các chính sách hỗ trợ tiền mặt do ngân sách trung ương chi trả của gói hỗ trợ 2 đã đánh giá thấp phạm vi của các nhóm đối tượng bị ảnh hưởng thực sự được hưởng tối.

Chính sách hỗ trợ tiền mặt do ngân sách trung ương tài trợ được thiết kế cho khoảng 360.000 lao động chính thức bị mất việc làm / bị ngừng việc, 20.500 lao động chính thức mang thai và nuôi con nhỏ (6 tuổi trở xuống), 142.000 bệnh nhân nhiễm Covid-19 (bao gồm cả trẻ em) và F1 đang cách ly, 28.700 nghệ sĩ và hướng dẫn viên du lịch mất việc làm và 300.000 hộ kinh doanh. Những con số này chỉ là những phần nhỏ của qui mô thực sự của các nhóm bị ảnh hưởng mà gói hỗ trợ 2 hướng đến. Cần lưu ý trong gói hỗ trợ 2, chính sách hỗ trợ tiền mặt cho những NLD không có HĐLĐ bị mất việc làm và các nhóm dễ bị tổn thương khác với kinh phí từ ngân sách địa phương, theo thiết kế, dự kiến là 15 triệu người; con số này cũng thấp hơn nhiều số người thực sự cần hỗ trợ nếu xét theo ước tính tỷ lệ hộ nghèo về thu nhập tạm thời là 33,4% vào tháng 7/2021 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021-2025 do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) của cuộc khảo sát của Trung Tâm Phân Tích và Dự báo nói trên.

QUAN TRỌNG HƠN, THIẾT KẾ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TIỀN MẶT NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG GÓI HỖ TRỢ 2 ĐÃ BỎ QUA CÁC NHÓM ĐỐI TƯỢNG YẾU THỂ - NHỮNG NGƯỜI CẦN HỖ TRỢ NHẤT

Không giống gói thứ nhất, nhóm đối tượng của *chính sách hỗ trợ tiền mặt* trong gói hỗ trợ 2 được xác định theo các lĩnh vực lao động, bao gồm lao động chính thức, phi chính thức và một số nghề nghiệp đặc thù, như nghệ sĩ và hướng dẫn viên du lịch. Lao động trong những nghề đặc thù này được coi là đủ điều kiện thụ hưởng chính sách *hỗ trợ tiền mặt* của gói hỗ trợ 2, nhưng họ chỉ bao gồm một số đối tượng thụ hưởng rất nhỏ, trong khi các nhóm dễ bị tổn thương như nghèo, cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội thường xuyên bao gồm người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em nhóm dễ bị tổn thương và có khả năng bị ảnh hưởng trầm trọng nhất trong đợt dịch nghiêm trọng và kéo dài này, lại không nằm trong diện nhận được hỗ trợ.

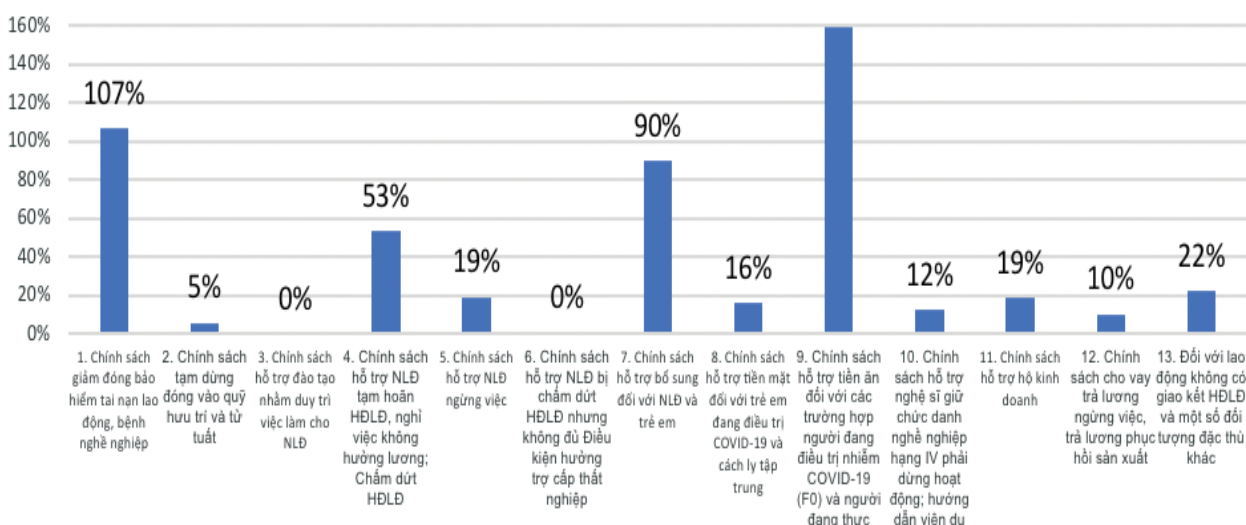
Bên cạnh những hạn chế về tài chính, cách tiếp cận dựa trên người lao động (theo loại ngành nghề, có giao kết lao động, đóng bảo hiểm, v.v... bị ảnh hưởng (chứ không phải dựa trên mức độ bị tổn thương) và thiên về hỗ trợ khu vực chính thức, cộng với nguyên tắc “một người chỉ được hưởng hỗ trợ một lần” như đã nêu bên trên có thể giải thích cho việc thiết kế gói hỗ trợ 2 đã “làm rơi” các nhóm dễ bị tổn thương nhất và đánh giá thấp về qui mô các nhóm đối tượng mà các chính sách mong muốn hỗ trợ. Một số tỉnh, thành phố (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Dương Nại, Long An, v.v.) đã nhận thấy vấn đề này và đã sử dụng ngân sách của họ để trợ cấp tiền mặt cho những người dễ bị tổn thương. Tuy nhiên, hầu hết các tỉnh, thành phố khác, đặc biệt là các tỉnh nghèo không thể thực hiện được.

Hình 3 dưới đây cho thấy mức độ bao phủ thực tế thay đổi theo các

**TỶ LỆ BAO PHỦ THỰC TẾ
CỦA GÓI HỖ TRỢ 2 CÒN
RẤT HẠN CHẾ TÍNH ĐẾN
THỜI ĐIỂM 31/8 /2021 (SAU
2 THÁNG TRIỂN KHAI)**

các chính sách khác nhau, xu hướng mức độ bao phủ thực tế cũng giống xu hướng tỷ lệ giải ngân của các chính sách khác nhau. Các chính sách có tỷ lệ diện bao phủ thực tế/điện bao phủ theo thiết kế cao là các chính sách giảm, hoãn đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, chính sách hỗ trợ NLD nuôi con nhỏ, và hỗ trợ tiền ăn đối với người phải điều trị nhiễm COVID-19 (FO) và người phải thực hiện cách ly y tế (F1). Tỷ lệ *bao phủ thực tế* của các chính sách hỗ trợ tiền mặt còn lại đều rất thấp, bao gồm cả chính sách hỗ trợ lao động tự do và các nhóm yếu thế do ngân sách địa phương tài trợ và chính sách cho vay trả lương ngừng việc.

Bảng 3: Tỷ lệ số đối tượng thụ hưởng đã được nhận hỗ trợ trên tổng số đối tượng thụ hưởng của các chính sách (%)



Nguồn: Tính toán từ số liệu báo cáo của Bộ LĐTB&XH (31/8/2021).

Quy trình thủ tục hành chính đã được đơn giản hóa trong gói hỗ trợ 2, tuy nhiên cách tiếp cận về xác định nhóm đối tượng được xử dụng trong thiết kế gói hỗ trợ 2 đã dẫn đến những quy định phức tạp về tiếp cận chính sách, gây khó khăn khi triển khai.

Rút kinh nghiệm từ gói 1 (khi đưa ra những quy định rất chặt chẽ để hạn chế trục lợi chính sách), gói hỗ trợ 2 được đánh giá là có điều kiện dễ hơn, thủ tục và quy trình đơn giản hơn, cụ thể: (i) Giảm điều kiện thời gian tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương xuống còn 15 ngày; (ii) Bỏ quy định doanh thu kê khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm đối với các hộ kinh doanh, chỉ quy định dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên; (iii) Giảm điều kiện tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất từ 50% lao động xuống còn 15% lao động. Việc đơn giản hóa/cắt giảm các thủ tục hành chính ở một mức độ nào đó đã tạo điều kiện cho việc triển khai gói hỗ trợ 2 nhanh hơn.

Gói thư hai cũng đã có một số cải thiện trong cách xác định đối tượng, đặc biệt là việc áp dụng cách tiếp cận dựa trên tính dễ bị tổn thương tới một số nhóm đối tượng như NLD mang thai và NLD nuôi con dưới 6 tuổi trong khu vực chính thức. Đây được coi là điểm mới và phù hợp trong thiết kế gói hỗ trợ 2 và đã tạo thuận lợi cho quá trình triển khai, giúp tỷ lệ giải ngân và tỷ lệ người đã được nhận trợ giúp cao như đã nêu ở trên. Tuy nhiên, sự thay đổi này chỉ tác động đến một nhóm có số lượng đối tượng rất nhỏ - 20.500 lao động, chiếm 0,139% trong tổng số đối tượng thiết kế là 14.670.700 người.

Ngoài một số cải thiện nêu trên, gói hỗ trợ 2 vẫn còn rất nhiều tiêu chí xác định đối tượng mâu thuẫn, chồng chéo nhau và các yêu cầu quy trình thủ tục hành chính phức tạp. Cụ thể, các tiêu chí để xác định người thụ hưởng là NLD trong khu vực chính thức và phi chính thức, bị mất việc làm, bị chấm dứt HĐLĐ, cách ly y tế, v.v., được kết hợp với các tiêu chí xác định một số nghề nghiệp đặc thù, chẳng hạn như nghề

sĩ và hướng dẫn viên du lịch, là chông chéo không cần thiết gây nhầm lẫn và phức tạp trong quá trình xác định người thụ hưởng, và cuối cùng dẫn đến con số sai sót chông chéo và bỏ sót rất lớn. Ví dụ, hướng dẫn viên du lịch có thể là NLD bị tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ không hưởng lương; hoặc người đó đã chấm dứt HĐLĐ nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, ... Ngoài ra, định nghĩa về các nhóm đối tượng trên chưa rõ ràng, dẫn đến đòi hỏi cần có tiêu chí cụ thể hơn để xác định đối tượng được hưởng, và kết quả là điều này dẫn đến nhiều khó khăn trong quá trình thực hiện.

Sau 2 tháng triển khai đã phát sinh một số vướng mắc như (i) Điều kiện đối với hỗ trợ NSDLD là phải có quyết toán thuế 2020; trong thực tế, theo pháp luật về thuế thì doanh nghiệp có thể thực hiện quyết toán thuế với chu kỳ 3-5 năm, không bắt buộc quyết toán từng năm, đặc biệt, do năm 2020 khó khăn, doanh nghiệp chưa thực hiện quyết toán thuế; hoặc (ii) điều kiện hỗ trợ hộ kinh doanh là phải có đăng ký kinh doanh; trong khi đó, trên thực tế vẫn còn nhiều cơ sở kinh doanh trong khu vực phi chính thức không có đăng ký kinh doanh. Ngoài ra (i) Điều kiện đối với hỗ trợ NLD là phải có biên bản thỏa thuận về việc dừng, tạm hoãn hợp đồng lao động, trong khi hầu hết các doanh nghiệp chỉ tạm ngừng hoạt động mà không chính thức sa thải lao động; (ii) hướng dẫn viên du lịch phải có chứng chỉ hành nghề; (iii) lao động tự do phải có đăng ký tạm trú, xác nhận chưa nhận hỗ trợ tại quê quán. Thông thường, phải mất rất nhiều thời gian và công sức để có được những yêu cầu giấy tờ bắt buộc này, chưa nói đến trong bối cảnh xã hội giãn cách, do đó nhiều người đủ điều kiện đã bỏ cuộc. Các quy định phức tạp và không đồng bộ nêu trên là rào cản chính ngăn cản các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh và những người bị ảnh hưởng tiếp cận gói hỗ trợ 2, dẫn đến tỷ lệ giải ngân và thực hiện của các chính sách trong gói hỗ trợ 2 đều rất thấp.

Cần lưu ý rằng chính sách hỗ trợ tiền mặt cho lao động phi chính thức và các nhóm dễ bị tổn thương khác của gói hỗ trợ 2 đã được giao cho các địa phương xây dựng các tiêu chí riêng để xác định các đối tượng đủ điều kiện và huy động ngân sách hiện có của địa phương để chi trả cho các nhóm đối tượng trên địa bàn. Ở khía cạnh nào đó, cơ chế này được coi là một điểm mạnh, bằng chứng là một số sáng kiến của địa phương, chẳng hạn như ở TP.HCM, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa Vũng Tàu, Đồng Nai và Long An, nơi mà chính quyền địa phương, dựa trên kiến thức của họ về nhu cầu và đặc điểm của nhóm người yếu thế, đã xây dựng các tiêu chí phù hợp hơn để xác định những người thụ hưởng đủ điều kiện và cung cấp cho họ sự hỗ trợ kịp thời hơn. Sẽ rất tốt nếu có thể tiến hành nghiên cứu và khám phá thêm để rút ra bài học từ những sáng kiến như vậy.

VIỆC TRIỂN KHAI VÀ QUẢN LÝ GÓI HỖ TRỢ 2 CHƯA TẬN DỤNG ĐƯỢC CÁC CÔNG CỤ ĐIỆN TỬ VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN/CHUYỂN ĐỔI SỐ, ĐẶC BIỆT TRONG VIỆC TỰ ĐĂNG KÝ VÀ THANH TOÁN TRỰC TUYẾN/ĐIỆN TỬ.

Mặc dù đã có hệ thống báo cáo điện tử để theo dõi kết quả tức thời của tất cả các địa phương về số lượng đối tượng thụ hưởng, kinh phí giải ngân và kết quả chi trả, thậm chí một số tỉnh, thành phố đã và đang thử nghiệm triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 để xử lý hồ sơ, thông qua cổng thông tin điện tử và phần mềm, v.v., để giảm tiếp xúc và tránh lây nhiễm Covid-19, điều đáng lưu ý là việc xác định đối tượng thụ hưởng, đặc biệt là những người ở khu vực phi chính thức vẫn được thực hiện một cách thủ công bởi các cán bộ địa phương, gây nguy cơ lây nhiễm bệnh cho họ cũng như sai số cao. Tương tự áp dụng các công cụ thanh toán kỹ thuật số để trợ cấp tiền mặt cho người thụ hưởng còn hạn chế.

III. KHUYẾN NGHỊ:

- **Thực hiện ngay chương trình trợ cấp tiền mới để giải quyết tác động của làn sóng thứ tư**

Một chương trình trợ cấp tiền mặt với ngân sách khoảng 5% GDP hàng quý (khoảng 77.000 tỷ đồng), cần được thiết kế và thực hiện càng sớm càng tốt trong những tháng cuối năm 2021. Cần tập trung giải ngân nhanh chóng, đặc biệt là đối với những người đang có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do đại dịch. Trợ cấp tiền mặt trên phạm vi toàn quốc cho tất cả (i) trẻ em dưới 6 tuổi (khoảng 11 triệu trẻ em) dựa trên giấy khai sinh; (ii) phụ nữ mang thai; (iii) người cao tuổi từ đủ 60 tuổi trở lên (khoảng 11,5 triệu người cao tuổi) bao gồm cả người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên là đối tượng được nhận trợ cấp tiền mặt thường xuyên mà không có lương hưu - dựa trên đặc điểm xác định họ; (iv) người khuyết tật và (v) bất kỳ nhóm người nào khác mà chính quyền cấp xã/phường xác định bị rơi vào tình trạng khó khăn thiếu thốn;

Mức hỗ trợ tiền mặt hàng tháng phải ở mức “mức sống tối thiểu” do Bộ LĐTBXH quy định và thời gian hỗ trợ tiền mặt tương ứng với thời gian cách ly cộng đồng;

Phương pháp xác định đối tượng theo “nhóm/cá nhân khác” (mục (v) nêu trên) cần dựa trên cơ sở “tự đăng ký” và “xác minh” của chính quyền địa phương, lý tưởng là thông qua các phương tiện kỹ thuật số (như kinh nghiệm rất hay của Đồng Nai). Hỗ trợ tiền mặt sẽ được cung cấp thông qua các công cụ thanh toán điện tử (chẳng hạn như chuyển khoản ngân hàng/ví điện tử, công cụ chuyển tiền trên điện thoại di động). Ngân sách trung ương sẽ được huy động để chi trả toàn bộ cho chương trình trợ cấp tiền mặt này.

- **Kết hợp với các chính sách hỗ trợ khác như**

Dựa trên kinh nghiệm của TP. HCM trong việc hỗ trợ cung cấp hàng hóa thiết yếu (thực phẩm và các nhu yếu phẩm hàng ngày khác) cho các hộ gia đình ở các khu vực phong tỏa, xem xét cho phép cả nhân viên của các sàn giao dịch mua sắm trực tuyến/thương mại điện tử và người giao hàng hoạt động trong “chế độ an toàn” bằng cách tiêm phòng cho họ, đưa ra các yêu cầu và đào tạo tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn như giữ khoảng cách, tránh tiếp xúc, đeo khẩu trang, sát khuẩn tay, v.v..



Để giúp NLD di cư ở lại nơi họ đang sinh sống và bảo vệ họ khỏi tình trạng khó khăn thiếu thốn, Chính phủ cần ban hành ngay lập tức lệnh cấm chủ nhà trục xuất người thuê nhà (đối với lao động nhập cư, đặc biệt là những người thuộc các đối tượng của chương trình hỗ trợ tiền mặt đề xuất ở trên) ở những nơi bị ảnh hưởng, chủ nhà có thể xin trợ cấp thay thế tiền thuê nhà từ chính quyền địa phương. Các khoản trợ cấp có thể được cung cấp sau khi chính quyền địa phương xác minh đơn đăng ký về tính đủ điều kiện của người thuê nhà và/hoặc áp dụng các phương pháp tự lựa chọn, chẳng hạn như tài trợ dựa trên loại nhà ở và/hoặc theo tỷ lệ giá trị tiền thuê nhà (chất lượng nhà ở thấp hoặc giá trị tiền thuê nhà thấp thường có nghĩa là những người thuê nhà có thu nhập thấp). Điều quan trọng là phải đảm bảo NLD di cư được tiếp cận với vắc xin một cách bình đẳng cho dù họ ở đâu.

● ***Trong trung hạn, đẩy nhanh việc cải cách các chính sách và chương trình trợ giúp xã hội để trở nên toàn diện hơn và phản ứng nhanh hơn, với các cú sốc, bằng cách***

- Đẩy nhanh việc thực hiện Đề án Đổi mới và Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội đã được phê duyệt năm 2017 để mở rộng hỗ trợ tiền mặt thường xuyên cho tất cả những người thuộc nhóm dễ bị tổn thương, chẳng hạn như người khuyết tật và người chăm sóc họ (hầu hết trong số họ là phụ nữ), trẻ em (dưới 3 hoặc 6 tuổi) và người già (60-79 tuổi) không có lương hưu, phụ nữ có thai và cha mẹ đơn thân làm việc trong khu vực phi chính thức;
- Chuyển đổi các chương trình trợ cấp tiền mặt khẩn cấp hiện có dựa trên các rủi ro đơn lẻ/qui mô nhỏ thành các chương trình ứng phó các rủi ro/cú sốc tác động trên diện rộng - đến nhiều người, ví dụ như thiên tai, đại dịch và khủng hoảng kinh tế. Điều này có thể được thực hiện bằng cách phát triển và áp dụng các yếu tố tự động kích hoạt (i) dựa trên các tiêu chí rõ ràng về tình trạng khẩn cấp quy mô lớn (mức độ tác động của thiên tai, đại dịch và khủng hoảng kinh tế quy mô lớn đối với số lượng lớn người dân) và (ii) (khi đạt các tiêu chí nêu trên) cho phép các chương trình hỗ trợ tiền mặt thường xuyên áp dụng cơ chế tự động tăng diện bao phủ và mức hỗ trợ đối với các loại đối tượng dựa trên tình trạng dễ bị tổn thương nêu trên của, cũng như bất kỳ nhóm người nào khác mà chính quyền cấp xã/phường xác định họ bị rơi vào tình trạng thiếu thốn.
- Kinh phí tăng thêm sẽ được “Quỹ Dự phòng” ở cả cấp trung ương và địa phương cấp; Quỹ này (i) được phân bổ từ ngân sách nhà nước (ở cả hai cấp) hàng năm, (ii) chỉ được giải ngân/sử dụng khi đáp ứng các tiêu chí khẩn cấp quy mô lớn nêu trên, và phần ngân sách không được sử dụng sẽ được tích dồn cho các năm sau. Quỹ Dự phòng Trung ương sẽ được sử dụng để chính quyền trung ương cung cấp các khoản bổ sung ngân sách với quy mô lớn hơn cho các tỉnh và thành phố, đặc biệt là các tỉnh, thành phố có nguồn lực hạn chế, bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch, nhằm tăng cường độ bao phủ và đẩy nhanh tiến độ thực hiện.
- Chuyển từ hệ thống trợ giúp xã hội xác định đối tượng và cung cấp hỗ trợ dựa vào nơi cư trú – điều này đã làm nhiều lao động nhập cư khó tiếp cận các chính sách, sang hệ thống trợ giúp dựa trên quốc tịch Việt Nam, chẳng hạn thông qua áp dụng hệ thống kỹ thuật số - như hệ thống căn cước công dân kỹ thuật số quốc gia - để những người thụ hưởng đủ điều kiện tự đăng ký, chính quyền địa phương xác minh và chính quyền trung ương tiến hành giám sát và đánh giá. Hệ thống kỹ thuật số này, nếu được kết hợp với việc ứng dụng các công cụ thanh toán điện tử, không chỉ giúp minh bạch hóa việc quản lý và thực hiện các chương trình trợ giúp xã hội mà còn đảm bảo hỗ trợ tiền mặt đến người thụ hưởng một cách nhanh chóng và an toàn.

PHỤ LỤC

Bảng 1. Đối tượng và kinh phí thiết kế của gói hỗ trợ lần 2

| Chính sách | Đối tượng hỗ trợ (1000 người) | Kinh phí hỗ trợ (tỷ đồng) | Nguồn quỹ |
|---|-------------------------------|---------------------------|---|
| 1. Chính sách giảm đóng bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp | 11.000,0 | 3.696,0 | Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp |
| 2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất | 1.150,0 | 8.450,0 | Tạm dừng đóng; hết thời hạn tạm dừng đóng phải thực hiện đóng bù mà không phải tính lãi chậm nộp. |
| 3. Chính sách hỗ trợ đào tạo nhằm duy trì việc làm cho NLD | 1.000,0 | 4.500,0 | quỹ Bảo hiểm thất nghiệp |
| 4. Chính sách hỗ trợ NLD tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương; chính sách hỗ trợ NLD chấm dứt HĐLĐ | 200,0 | 742,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 5. Chính sách hỗ trợ NLD ngừng việc | 60,0 | 111,3 | Ngân sách Nhà nước |
| 6. Chính sách hỗ trợ NLD bị chấm dứt HĐLĐ nhưng không đủ Điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp | 100,0 | 371,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 7. Chính sách hỗ trợ bổ sung đối với NLD và trẻ em | 20,0 | 20,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 8. Chính sách hỗ trợ tiền mặt đối với trẻ em đang điều trị COVID-19 và cách ly tập trung | 42,0 | 42,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 9. Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với các trường hợp người đang điều trị nhiễm COVID-19 (F0) và người đang thực hiện cách ly y tế (F1) | 100,0 | 240,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 10. Chính sách hỗ trợ nghệ sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV phải dừng hoạt động; hướng dẫn viên du lịch bị mất việc làm | 28,7 | 106,4 | Ngân sách Nhà nước |
| 11. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh | 300,0 | 900,0 | Ngân sách Nhà nước |
| 12. Chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất | 670,0 | 7.456,0 | Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách |
| Tổng cộng 1 (1-12) | 14.670,7 | 26.634,7 | |
| Đối với lao động không có giao kết HĐLĐ và một số đối tượng đặc thù khác | 15.000 | | Căn cứ điều kiện cụ thể và khả năng ngân sách của địa phương |

Bảng 2. So sánh về quy mô đối tượng hỗ trợ NLĐ có hợp đồng lao động của gói hỗ trợ lần 2 với gói hỗ trợ lần 1

| Chính sách | Gói hỗ trợ lần 1 | Gói hỗ trợ 2 |
|--|---|---|
| 1. Chính sách bảo hiểm (từ nguồn Quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp) | | |
| Giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | Không có | Toàn bộ NSDLĐ và NLĐ có tham gia bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp Dự kiến: 11 triệu lao động |
| Tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí, tử tuất | NSDLĐ và NLĐ có tham gia BHXH, trong các doanh nghiệp phải giảm 50% lao động vì ảnh hưởng của Covid-19 (sau đó điều chỉnh xuống 20% theo NQ154) Ước tính: 6 triệu lao động | NSDLĐ và NLĐ có tham gia BHXH, trong các doanh nghiệp phải giảm 15% lao động vì ảnh hưởng của Covid-19 Dự kiến: 11,5 triệu lao động |
| Hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm | Không có | NSDLĐ có đóng bảo hiểm thất nghiệp cho lao động; có thay đổi cơ cấu công nghệ; doanh thu giảm 10%; có phương án đào tạo Dự kiến: 1 triệu lao động |
| 2. Chính sách cho vay (Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn cho Ngân hàng Chính sách) | | |
| Cho vay trả lương ngừng việc | NSDLĐ có khó khăn tài chính và đã trả 50% lương ngừng việc cho NLĐ theo quy định của Bộ luật Lao động Dự kiến: 3 triệu lao động | NSDLĐ được vay để trả lương ngừng việc cho lao động có tham gia BHXH buộc phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên. Dự kiến: 220.000 lao động |
| Cho vay phục hồi sản xuất | Không có | NSDLĐ phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu phòng, chống dịch khi quay lại sxkd được vay vốn để trả lương cho lao động có tham gia BHXH. Dự kiến: 440.000 lao động |
| 3. Chính sách hỗ trợ tiền mặt (ngân sách Nhà nước ở trung ương và địa phương) | | |
| Hỗ trợ NLĐ bị tạm dừng hợp đồng lao động, ngừng việc, chấm dứt hợp đồng lao động | NLĐ có hợp đồng lao động bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 01 tháng liên tục trở lên, đang tham gia BHXH NLĐ bị chấm dứt HĐLĐ, đang tham gia BHXH, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp Dự kiến: 1,5 triệu NLĐ | NLĐ có hợp đồng lao động bị tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên, đang tham gia BHXH NLĐ bị ngừng việc do thuộc đối tượng cách ly y tế từ 14 ngày liên tục trở lên, đang tham gia BHXH NLĐ bị chấm dứt HĐLĐ, đang tham gia BHXH, không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp Dự kiến: 360.000 NLĐ |
| Hỗ trợ lao động mang thai, nuôi con nhỏ | Không có | NLĐ bị tạm dừng hợp đồng lao động, ngừng việc, chấm dứt hợp đồng lao động đang mang thai, nuôi con nhỏ dưới 6 tuổi, đang tham gia BHXH Dự kiến: 20.500 NLĐ |

Nguồn: Tổng hợp, phân tích từ NQ42, NQ68, báo cáo của Bộ LĐTBXH.

Bảng 3. So sánh về mức hỗ trợ NLD có hợp đồng lao động của gói hỗ trợ lần 2 với gói hỗ trợ lần 1

| Chính sách | Thiết kế | | Đánh giá |
|--|--|--|---|
| | Gói hỗ trợ lần 1 (NQ42) | Gói hỗ trợ lần 2 (NQ68) | |
| Hỗ trợ NLD bị tạm dừng HĐLĐ | 1.800.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng (5.400.000đ) | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | <p>+ Các mức hỗ trợ của gói 2 không cải thiện, thậm chí thấp hơn so với gói 1 (vốn đã được đánh giá là thấp).</p> <p>+ Mức hỗ trợ thấp – bằng 50% mức sống tối thiểu/ chuẩn nghèo (đối với lao động tự do), không đáp ứng nhu cầu tối thiểu.</p> <p>+ Phần lớn các chính sách chỉ hỗ trợ 1 lần, thiếu tính linh hoạt và kịp thời trong bối cảnh dịch bệnh kéo dài và ngày càng diễn biến phức tạp như hiện nay.</p> |
| Hỗ trợ NLD bị ngừng việc | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/người | |
| Hỗ trợ NLD bị chấm dứt HĐLĐ | 1.000.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng (3.000.000đ) | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | |
| Hỗ trợ bổ sung cho NLD mang thai, nuôi con nhỏ | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/người | |
| Hỗ trợ bổ sung cho trẻ em bị nhiễm, cách ly | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 1.000.000 đ/trẻ em | |
| Hỗ trợ tiền ăn cho FO, F1 | Không có | 80.000 đ/ngày/người, tối đa 45 ngày với FO và 21 ngày với F1 | |
| Hỗ trợ NLD không có giao kết HĐLĐ | 1.000.000 đ/người/tháng, tối đa 3 tháng | Tối thiểu 1.500.000 đ/người/lần (50.000 đ/người/ngày) | |
| Hỗ trợ nghệ sỹ, hướng dẫn viên du lịch | Không có | Hỗ trợ 1 lần: 3.710.000 đ/người | |
| Hộ kinh doanh | 1.000.000 đ/hộ/tháng, tối đa 3 tháng | Hỗ trợ 1 lần: 3.000.000 đ/hộ | |

Nguồn: Tổng hợp, phân tích từ NQ42, NQ68, báo cáo của Bộ LĐTBXH.



Bảng 4. Tình hình hỗ trợ và giải ngân gói hỗ trợ 2 đến 31/8/2021

| Chính sách | Đối tượng hỗ trợ | | | Disbursement rate | | |
|---|--------------------------|---------------------------|-------|-----------------------|------------------------|-------|
| | Thiết kế (1000 người) | Thực hiện (1000 người) | (%) | Thiết kế (tỷ đồng) | Thực hiện (tỷ đồng) | (%) |
| 1. Chính sách giảm đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp | 11.000 | 11.709.8 | 106.5 | 3.696.0 | 4.322.0 | 116.9 |
| 2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất | 1.150 | 61.7 | 5.4 | 8.450.0 | 392.9 | 4.6 |
| 3. Chính sách hỗ trợ đào tạo nhằm duy trì việc làm cho NLD | 1.000 | 0.0 | 0.0 | 4.500.0 | 0.0 | 0.0 |
| 4. Chính sách hỗ trợ NLD tạm hoãn HĐLĐ, nghỉ việc không hưởng lương; Chấm dứt HĐLĐ | 200 | 106.8 | 53.4 | 742.0 | 273.1 | 36.8 |
| 5. Chính sách hỗ trợ NLD ngừng việc | 60 | 11.5 | 19.1 | 111.3 | 19.1 | 17.2 |
| 6. Chính sách hỗ trợ NLD bị chấm dứt HĐLĐ nhưng không đủ Điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp | 100 | 0.4 | 0.4 | 371.0 | 1.1 | 0.3 |
| 7. Chính sách hỗ trợ bổ sung đối với NLD và trẻ em | 20 | 18 | 89.8 | 20.0 | 18.0 | 89.8 |
| 8. Chính sách hỗ trợ tiền mặt đối với trẻ em đang điều trị COVID-19 và cách ly tập trung | 42 | 6.6 | 15.7 | 42.0 | 6.6 | 15.7 |
| 9. Chính sách hỗ trợ tiền ăn đối với các trường hợp người đang điều trị nhiễm COVID-19 (FO) và người đang thực hiện cách ly y tế (F1) | 100 | 159.3 | 159.3 | 240.0 | 178.7 | 74.5 |
| 10. Chính sách hỗ trợ nghệ sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV phải dừng hoạt động; hướng dẫn viên du lịch bị mất việc làm | 28.7 | 3.5 | 12.1 | 106.4 | 12.9 | 12.1 |
| 11. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh | 300 | 55.9 | 18.6 | 900.0 | 161.5 | 17.9 |
| 12. Chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất | 670 | 67.6 | 10.1 | 7.456.0 | 266.1 | 3.6 |
| Tổng cộng 1 (1-12) | 14.670.7 | 12.200.9 | 83.2 | 26.634.7 | 5.652.1 | 21.2 |
| 13. Đối với lao động không có giao kết HĐLĐ và một số đối tượng đặc thù khác | 15.000 | 3.292 | | | 4.436 | |
| TỔNG CỘNG 2 (1-13) | 29.670.7 | 15.492.9 | | | 10.088.1 | |

Nguồn: Tính toán từ số liệu báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (31/8/2021).

Bảng 5. Kết quả hỗ trợ tiền mặt theo vùng và một số địa phương

| TT | Vùng/Địa phương | Số lượng đối tượng (người) | Kinh phí (nghìn đồng) |
|------------|---|----------------------------|-----------------------|
| I | Miền núi phía Bắc | 45.774 | 93.385.191 |
| 1 | Bắc Giang | 34.550 | 72.235.121 |
| II | Đồng bằng sông Hồng | 500.192 | 502.350.07 |
| 1 | Hà Nội | 472.916 | 473.592.132 |
| III | Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung | 150.063 | 202.082.957 |
| 1 | Khánh Hòa | 51.506 | 93.584.535 |
| 2 | Đà Nẵng | 64.833 | 51.154.225 |
| IV | Tây Nguyên | 81.725 | 122.761.482 |
| 1 | Lâm Đồng | 74.033 | 112.192.508 |
| V | Đông Nam Bộ | 2.277.133 | 3.351.408.955 |
| 1 | TP.HCM | 1.780.667 | 2.691.912.570 |
| 2 | Bình Dương | 246.037 | 376.199.035 |
| 3 | Bà Rịa Vũng Tàu | 97.649 | 130.345.093 |
| 4 | Đồng Nai | 54.322 | 81.376.500 |
| VI | Đồng bằng sông Cửu Long | 582.004 | 819.535.896 |
| 1 | Long An | 92.637 | 126.827.400 |
| 2 | Bạc Liêu | 81.878 | 121.012.510 |
| 3 | Trà Vinh | 74.992 | 114.503.850 |
| 4 | Đồng Tháp | 65.916 | 106.210.460 |
| 5 | Kiên Giang | 66.228 | 100.963.350 |
| | Toàn quốc | 3.636.891 | 5.091.524.488 |

Nguồn từ dữ liệu hệ thống thời gian thực của Bộ LĐTB&XH (31/8/2021)





